

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ hoạt động
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp kinh doanh giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Xuất nhập khẩu Intimex theo Quyết định số 1574/QĐ-BTM ngày 29/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương); Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 29/06/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng chẵn ./.).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/06/2017)
- Bà Trần Ngọc Minh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/06/2017)
- Ông Lê Văn Tần	Phó chủ tịch thường trực
- Bà Nguyễn Thị Nga	Ủy viên
- Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên
- Bà Vũ Kim Thanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đinh Tiến Thành	Tổng Giám đốc
- Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hiện	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Thanh Hương	Thành viên
- Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Tổng giám đốc



ĐINH TIẾN THÀNH

Số: 106/2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2017, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày từ trang 07 đến trang 46 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến những vấn đề cần nhấn mạnh được nêu dưới đây không làm ảnh hưởng đến “Kết luận của Kiểm toán viên” của chúng tôi:

- Theo Thuyết minh số 5.6, Văn phòng Công ty, Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng và hai Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Hải Phòng và Hà Nội chưa thống nhất được phương án xử lý khoản gốc vay và nợ lãi vay phải trả do Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng vay nên chưa bù trừ công nợ phải thu khác với gốc vay và lãi vay làm cho tổng tài sản và nguồn vốn trình bày cao hơn thực tế là 10.974.698.619 đồng.

- Theo Thuyết minh số 5.11, Công ty đã góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu đất sang Công ty liên kết.

- Theo Thuyết minh số 5.8, Công ty và các cơ quan chức năng đang trong quá trình làm việc với các cá nhân có liên quan đối với giá trị hàng hóa thiếu hụt do kiểm kê tại Chi nhánh Đà Nẵng với số tiền là 10.983.758.096 đồng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần và có các vấn đề nhấn mạnh đối với Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		406.998.866.954	212.392.317.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.616.272.479	18.154.920.600
1. Tiền	111		14.616.272.479	16.154.920.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.11	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.840.200.435	70.142.347.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.510.261.439	28.209.071.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	31.008.511.709	13.004.903.200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	208.500.000.000	5.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	50.225.685.102	42.913.003.287
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.13	(30.877.072.717)	(30.992.578.399)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	11.472.814.902	12.007.948.281
IV. Hàng tồn kho	140	5.12	81.380.778.353	109.493.354.084
1. Hàng tồn kho	141		82.792.435.518	110.905.011.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.411.657.165)	(1.411.657.165)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.161.615.687	13.601.694.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1.463.744.512	3.628.809.370
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		913.993.912	4.015.144.012
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	5.783.877.263	5.957.741.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		370.352.146.792	669.506.813.559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.441.098.900	1.165.723.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.441.098.900	1.165.723.900
II. Tài sản cố định	220		205.262.869.325	208.494.269.893
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	71.720.959.170	74.320.880.366
- Nguyên giá	222		290.465.239.851	287.931.694.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(218.744.280.681)	(213.610.813.754)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	133.541.910.155	134.173.389.527
- Nguyên giá	228		144.478.690.137	144.466.383.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.936.779.982)	(10.292.993.610)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.024.369.076	11.145.497.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	17.024.369.076	11.145.497.577
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	71.237.842.180	371.237.842.180
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49.197.105.000	49.197.105.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.040.737.180	22.040.737.180
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	300.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		75.385.967.311	77.463.480.009
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	75.385.967.311	77.463.480.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		777.351.013.746	881.899.130.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		169.975.112.012	275.153.170.039
I. Nợ ngắn hạn	310		166.114.462.658	271.439.970.685
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	87.677.810.862	183.274.222.060
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.535.123.524	6.089.672.231
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.857.056.402	1.286.369.177
4. Phải trả người lao động	314		5.449.708.831	8.192.028.590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	15.464.783.191	7.759.758.703
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	1.212.566.781	1.091.507.898
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	40.287.553.276	52.970.988.295
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	10.613.935.591	10.759.499.531
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.924.200	15.924.200
II. Nợ dài hạn	330		3.860.649.354	3.713.199.354
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	3.860.649.354	3.713.199.354
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		607.375.901.734	606.745.960.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	607.375.901.734	606.745.960.745
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.418.337.314	61.418.337.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.042.435.580)	(4.672.376.569)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.672.376.569)	(5.379.695.403)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		629.940.989	707.318.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		777.351.013.746	881.899.130.784

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Mỹ Hạnh

Đình Tiến Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		389.335.542.753	427.161.191.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		337.315.685	417.336.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	388.998.227.068	426.743.855.745
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	330.262.229.915	358.603.313.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.735.997.153	68.140.542.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.128.650.764	3.312.960.930
7. Chi phí tài chính	22	6.4	83.600.422	478.087.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.500.631	478.087.437
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	54.249.795.776	57.383.009.434
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	21.515.826.461	16.433.914.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.984.574.742)	(2.841.507.870)
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.350.081.826	4.174.711.340
12. Chi phí khác	32	6.7	1.557.901.862	930.231.069
13. Lợi nhuận khác	40		4.792.179.964	3.244.480.271
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		807.605.222	402.972.401
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	177.664.233	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		629.940.989	402.972.401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	11,45	16,12

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Mỹ Hạnh

Đình Tiến Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mẫu số B03a-DN

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	807.605.222	402.972.401
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.974.393.766	6.575.924.737
Các khoản dự phòng	03	(115.505.682)	4.110.261.590
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	99.791	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(254.874.773)	(1.509.866.513)
Chi phí lãi vay	06	83.500.631	478.087.437
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	6.495.218.955	10.057.379.652
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(27.612.111.512)	8.089.309.495
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	28.112.575.731	16.661.049.724
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(81.219.372.097)	(21.250.114.811)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.242.577.556	(615.873.152)
Tiền lãi vay đã trả	14	(83.500.631)	(979.271.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(70.064.611.998)	11.962.479.624
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.612.650.920)	(27.878.645.123)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(264.000.000.000)	(30.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	360.500.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.529.403.755	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.874.773	1.509.866.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68.671.627.608	(56.368.778.610)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.215.043.223	26.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.360.607.163)	(32.226.096.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(145.563.940)	(5.326.096.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.538.548.330)	(49.732.394.986)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.154.920.600	61.751.298.198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(99.791)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.616.272.479	12.018.903.212

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Mỹ Hạnh

Đình Tiến Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xuất nhập khẩu Intimex theo Quyết định số 1574/QĐ-BTM ngày 29/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương); Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng chẵn ./.).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh siêu thị, xuất khẩu, chế biến, nuôi trồng thủy hải sản và đầu tư kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau: Kinh doanh dịch vụ siêu thị; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Nuôi trồng thủy sản nội địa; nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng giống thủy hải sản; Kinh doanh, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, thủy, hải sản, thủ công mỹ nghệ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1. Văn phòng công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	Số 96 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ siêu thị, Bất động sản
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Nghệ An	Số 32, đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh dịch vụ siêu thị; Nuôi trồng thủy hải sản; Cho thuê văn phòng cửa hàng
3. Nhà máy tinh bột sản Intimex	Xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất phân bón và các hợp chất Ni tơ
4. Chi nhánh Intimex Trung Đô – Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	Số 343 Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh dịch vụ siêu thị; Cho thuê văn phòng cửa hàng
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Hưng Yên	Trung tâm Thương mại Phố Nối, Yên Mỹ, Hưng Yên	Kinh doanh dịch vụ siêu thị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Hải Dương	Số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Kinh doanh dịch vụ siêu thị
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Hải Phòng	Số 41 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ siêu thị
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Thanh Hóa	Số 05, đường Thanh Niên, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh thương mại dịch vụ
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Quảng Ninh	Khu II, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Nuôi trồng thủy sản
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 2 Pasteur, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ siêu thị
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam tại Đồng Nai	89B Quốc lộ 51, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thương mại dịch vụ
12. Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Quang Minh	KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại dịch vụ

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	05 - 50 năm
- Phần mềm kế toán, thiết kế	03 - 10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kể của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.8. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch tăng, giảm giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa giá mua lại so với giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

4.19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số 7.5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.260.980.349	8.439.206.015
Tiền gửi ngân hàng	12.355.292.130	7.715.714.585
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	16.616.272.479	18.154.920.600

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sở giao dịch với lãi suất 4,7%/năm.

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty hữu hạn Mậu dịch Hồng Lâm (TN)	1.334.180.000	1.334.180.000
Cheng Dong Hai	1.203.249.949	1.203.249.949
Công ty hữu hạn XNK Phúc Thuận Bằng Tường Quảng Tây	997.782.305	383.070.505
Công ty hữu hạn Mậu dịch XINFA Bằng Tường Quảng Tây, Trung Quốc	3.499.701.142	967.665.950
Nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng	7.507.222.062	7.577.098.126
Phải thu các khách hàng khác	14.968.125.981	16.743.806.900
Cộng	29.510.261.439	28.209.071.430

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đức Hạnh	1.567.725.000	1.567.725.000
Công ty TNHH Tiến Thắng	3.061.309.279	3.061.309.279
Công ty Xây dựng Thủy lợi Bun Tông	1.717.690.426	1.717.690.426
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Công	15.932.852.914	-
Global Consultancy Investment Limited	1.141.500.000	-
Các đối tượng khác	7.587.434.090	6.658.178.495
Cộng	31.008.511.709	13.004.903.200

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú (*)	203.500.000.000	-
Công ty CP TM Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ (**)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	208.500.000.000	5.000.000.000

(*) Khoản cho Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú vay theo Hợp đồng số 1366/2017/HĐVV/INTIMEX-AP ngày 11 tháng 01 năm 2017 với, số tiền 264.000.000.000 đồng, đến hết 30/06/2017 đã tất toán 60.500.000.000 đồng, số tiền vay còn lại là 203.500.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 10%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tín chấp.

(**) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ vay theo Hợp đồng số 02/2016/HĐVV/INTIMEX-TAYHO ngày 26 tháng 01 năm 2016 với, số tiền là 20.000.000.000 đồng, đến hết 30/06/2017 đã tất toán 15.000.000.000 đồng, số tiền vay còn lại là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%. Khoản vay được thế chấp bằng tín chấp

5.5. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	434.760.972	434.760.972
- Các khoản khác	1.028.983.540	3.194.048.398
Cộng	1.463.744.512	3.628.809.370
b) Dài hạn		
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất (*)	58.711.599.379	59.725.844.379
- Giá trị xây dựng, cải tạo siêu thị	-	6.059.996.898
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động	5.787.373.454	6.093.056.740
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.308.511.634	4.672.231.855
- Giá trị lợi thế thương mại	264.422.743	330.528.439
- Các khoản khác	6.314.060.101	581.821.698
Cộng	75.385.967.311	77.463.480.009

(*) Giá trị lợi thế vị trí địa lý thuê còn lại từ ngày 01/01/2014 sẽ được khấu trừ dần vào tiền thuê đất phải trả hàng năm theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để ra quyết định chính thức cho nội dung này. Vì vậy, giá trị lợi thế vị trí địa lý vẫn tiếp tục được theo dõi như một tài sản dài hạn chờ xử lý phân bổ vào tiền thuê đất hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6. Phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng VND	Giá trị	Dự phòng VND
a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn				
- Tạm ứng	7.133.710.876	-	6.416.446.424	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	406.224.387	5.000.000	242.966.800	5.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (i)	10.974.698.619	-	10.974.698.619	-
- CN Công ty CP Thương mại Dịch vụ & Máy tính V.E.N.R (ii)	7.336.236.771	7.336.236.771	7.336.236.771	7.336.236.771
- Công ty TNHH DUSOCO (ii)	3.470.110.195	3.470.110.195	3.470.110.195	3.470.110.195
- Cục thuế Đồng Nai (iii)	1.109.996.145	-	1.109.996.145	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô - CTCP (iv)	3.000.000.000	-	7.529.403.755	-
- Công ty TNHH Thương mại ĐT và XNK An Phú (v)	10.916.333.333	-	-	-
- Phải thu các đối tượng khác	5.878.374.776	3.460.317.278	5.833.144.578	3.460.317.278
Cộng	50.225.685.102	14.271.664.244	42.913.003.287	14.271.664.244
b) Các khoản phải thu khác dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.441.098.900	-	1.165.723.900	-
Cộng	1.441.098.900	-	1.165.723.900	-

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng thu hồi khoản gốc là 9.876.271.798 đồng và lãi vay với số tiền 1.098.426.821 đồng của Chi nhánh Cổ phần Intimex Việt Nam tại Hải Phòng từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Tuy nhiên, khoản công nợ này chưa được Công ty, Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng và Ngân hàng thống nhất phương án giải quyết.

(ii) Các khoản công nợ quá hạn đã được Công ty trích lập dự phòng.

(iii) Đây là khoản chênh lệch thuế phải thu đối với Cục thuế Đồng Nai từ trước khi cổ phần hóa.

(iv) Khoản phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần từ năm 2016.

(v) Khoản phải thu về chi phí lãi vay tương ứng với khoản vay ở thuyết minh 5.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	237.859.401	24.629.001
Xây dựng cơ bản	16.414.027.685	10.748.386.586
- Dự án Khách sạn 22-32 Lê Thái Tổ	14.129.628.101	8.271.648.580
- Xây dựng bể lắng nước thải	1.594.356.108	887.117.766
- Dự án khác	690.043.476	1.589.620.240
Sửa chữa lớn	372.481.990	372.481.990
Cộng	17.024.369.076	11.145.497.577

5.8. Tài thiếu chờ xử lý

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Hàng hóa thiếu khi kiểm kê	11.472.814.902	12.007.948.281
Cộng	11.472.814.902	12.007.948.281

Bao gồm khoản thiếu hụt hàng hóa tại Chi nhánh Đà Nẵng theo biên bản kiểm kê siêu thị ngày 17/04/2013 là 10.983.758.096 đồng. Giá trị hàng hóa thiếu hụt này đang được Công ty quy trách nhiệm cho hai cá nhân là nguyên Giám đốc và Trưởng phòng tài chính kế toán của Chi nhánh Đà Nẵng và công ty đã làm đơn kiện gửi cơ quan công an giải quyết.

5.9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, thiết kế VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	142.478.888.067	1.987.495.070	144.466.383.137
Mua trong kỳ	12.307.000	-	12.307.000
Tại ngày 30/06/2017	142.491.195.067	1.987.495.070	144.478.690.137
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	8.628.245.519	1.664.748.091	10.292.993.610
Khấu hao trong kỳ	592.620.606	51.165.766	643.786.372
Tại ngày 30/06/2017	9.220.866.125	1.715.913.857	10.936.779.982
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	133.850.642.548	322.746.979	134.173.389.527
Tại ngày 30/06/2017	133.270.328.942	271.581.213	133.541.910.155

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	151.626.774.639	94.028.940.213	21.339.505.148	19.035.190.569	1.901.283.551	287.931.694.120
Mua trong kỳ	64.065.909	1.378.873.988	217.377.401	1.070.368.900	-	2.730.686.198
Tăng do phân loại lại	-	986.605.096	-	386.899.600	-	1.373.504.696
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(179.890.476)	-	-	(179.890.476)
Giảm do phân loại lại	(1.303.703.096)	(34.348.000)	-	(52.703.591)	-	(1.390.754.687)
Tại ngày 30/06/2017	150.387.137.452	96.360.071.297	21.376.992.073	20.439.755.478	1.901.283.551	290.465.239.851
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	98.005.611.058	81.193.483.886	18.925.448.242	14.855.177.684	631.092.884	213.610.813.754
Khấu hao trong kỳ	2.788.984.283	1.659.919.942	318.369.454	412.312.317	151.021.398	5.330.607.394
Tăng do phân loại lại	-	157.017.227	-	386.899.600	-	543.916.827
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(179.890.476)	-	-	(179.890.476)
Giảm do phân loại lại	(474.115.227)	(34.348.000)	-	(52.703.591)	-	(561.166.818)
Tại ngày 30/06/2017	100.320.480.114	82.976.073.055	19.063.927.220	15.601.686.010	782.114.282	218.744.280.681
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	53.621.163.581	12.835.456.327	2.414.056.906	4.180.012.885	1.270.190.667	74.320.880.366
Tại ngày 30/06/2017	50.066.657.338	13.383.998.242	2.313.064.853	4.838.069.468	1.119.169.269	71.720.959.170

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.057.344 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 153.524.850.134 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.11. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	-	301.000.000.000	301.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank), thời hạn gửi 12 tháng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh	49.197.105.000	(*)	-	49.197.105.000	(*)	-
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Sài Gòn Intimex	1.690.739.160	(*)	-	1.690.739.160	(*)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex	20.349.998.020	(*)	-	20.349.998.020	(*)	-
Cộng	71.237.842.180	(*)	-	71.237.842.180	(*)	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.11. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Thông tin chi tiết về các khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”**

STT	Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh	Long Khánh, Đồng Nai	45,55%	Xây dựng khu đô thị và văn phòng cho thuê

Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh được thành lập với mục tiêu đầu tư, xây dựng một tổ hợp Trung tâm thương mại và khu Nhà ở liền kề cao cấp cùng hệ thống kỹ thuật hạ tầng hoàn chỉnh trên khu đất có diện tích 20.144 m² tại số 1 Hùng Vương, thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng Hợp tác Đầu tư giữa Công ty và Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng ngày 19 tháng 09 năm 2014.

Công ty đã góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu đất sang Công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các khoản “Đầu tư vào đơn vị khác”

STT	Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Sài Gòn Intimex (*)	Số 01 Trần Quang Diệu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	14,28%	Tổ chức, sản xuất gia công hàng nhập khẩu
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex (**)	Số 61 Nguyễn Văn Giai, Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	14,38%	Xuất nhập khẩu thương mại và dịch vụ

(*) Theo Thông báo số 31/ISG-HĐQT ngày 03 tháng 05 năm 2017 về việc trả cổ tức năm 2016, Công ty nhận được khoản chi trả cổ tức tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Intimex là 61.499.676 đồng.

(**) Theo Thông báo số 45/TB-INX-HĐQT ngày 15 tháng 05 năm 2017 về việc trả cổ tức năm 2016, Công ty nhận được khoản chi trả cổ tức tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex theo tỉ lệ là 100:14.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.12. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.097.666.159	-	4.059.517.570	-
Công cụ, dụng cụ	149.536.970	-	262.962.536	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.467.692.520	-	4.265.413.031	-
Thành phẩm	409.209.502	-	13.017.957.547	-
Hàng hoá	63.803.542.470	1.411.657.165	88.878.570.517	1.411.657.165
Hàng gửi bán	864.787.897	-	420.590.048	-
Cộng	82.792.435.518	1.411.657.165	110.905.011.249	1.411.657.165

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.13. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	30/06/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
Công nợ Phải thu khách hàng					
Công ty TNHH SXTM Thủy Anh	Trên 3 năm	2.716.132.519	-	2.716.132.519	-
Các đối tượng khác		4.793.262.243	2.172.700	4.908.767.925	2.172.700
Công nợ Trả trước cho người bán					
Công ty Xây dựng Thủy lợi Bun Tông	Trên 3 năm	1.717.690.426	-	1.717.690.426	-
Công ty TNHH TM Đức Hạnh	Trên 3 năm	1.567.725.000	-	1.567.725.000	-
Công ty TNHH Tiến Thắng	Trên 3 năm	3.061.309.279	-	3.061.309.279	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	2.751.461.705	-	2.751.461.705	-
Công nợ Phải thu khác					
Chi nhánh Công ty Cổ phần TMDV và Máy tính VENR	Trên 3 năm	7.336.236.771	-	7.336.236.771	-
Công ty TNHH DUSOCO	Trên 3 năm	3.470.110.195	-	3.470.110.195	-
Các đối tượng khác		3.684.334.465	219.017.186	3.684.334.465	219.017.186
Cộng		31.098.262.603	221.189.886	31.213.768.285	221.189.886

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	54.133.841	54.133.841	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	14.505.706	-	-	14.505.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.638.170	119.638.170	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.205.592	92.086	-	6.113.506
Tiền thuê đất, thuế đất	5.740.687.152	2.833.651.472	2.833.651.472	5.740.687.152
Các khoản thuế khác	22.570.899	-	-	22.570.899
Cộng	5.957.741.360	3.007.515.569	2.833.651.472	5.783.877.263
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	368.822.785	9.954.365.201	9.440.517.847	882.670.139
Thuế xuất nhập khẩu	-	428.979.006	428.979.006	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	693.915.484	58.026.063	-	751.941.547
Thuế thu nhập cá nhân	214.720.958	92.138.483	93.324.675	213.534.766
Tiền thuê đất, thuế đất	8.909.950	-	-	8.909.950
Cộng	1.286.369.177	10.533.508.753	9.962.821.528	1.857.056.402

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.15. Phải trả người bán**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư DVTM Thành Công	-	-	2.378.368.009	2.378.368.009
Nguyễn Thị Ngọc Anh	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Thương mại Minh Việt	359.829.267	359.829.267	1.684.828.808	1.684.828.808
Công ty CP DV TM Tổng Hợp Vincommerce	1.546.663.037	1.546.663.037	1.445.687.359	1.445.687.359
Công ty TNHH thương mại Thiên Linh	564.515.307	564.515.307	1.875.867.936	1.875.867.936
Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Hoàn Hảo	319.251.399	319.251.399	1.530.687.337	1.530.687.337
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Du lịch Minh Châu	897.267.200	897.267.200	1.603.532.893	1.603.532.893
Công ty TNHH TM & XNK Minh Châu	348.249.635	348.249.635	1.287.576.282	1.287.576.282
Các đối tượng khác	83.642.035.017	83.642.035.017	107.467.673.436	107.467.673.436
Cộng	87.677.810.862	87.677.810.862	183.274.222.060	183.274.222.060

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.16. Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.649.981.870	2.669.647.950
Các khoản trích trước khác	12.814.801.321	5.090.110.753
Cộng	15.464.783.191	7.759.758.703

5.17. Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	308.253.259	52.665.780
Kinh phí công đoàn	571.177.283	868.069.892
Bảo hiểm xã hội	13.300.795	361.980.632
Bảo hiểm y tế	2.468.700	9.379.400
Bảo hiểm thất nghiệp	1.377.114	1.391.614
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.750.000	79.750.000
Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng (*)	30.136.107.211	27.380.382.711
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Intimex Hà Nội (**)	7.308.142.294	7.529.403.755
Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng	-	5.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.862.976.620	1.687.964.511
Cộng	40.287.553.276	52.970.988.295
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.860.649.354	3.713.199.354
Cộng	3.860.649.354	3.713.199.354

(*) Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng chuyển tiền kinh phí bồi thường, tiền thuê nhà đất và tiền chuyển quyền sử dụng đất Dự án Trung tâm Thương mại và Nhà ở liền kề cao cấp Intimex tại phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(**) Đây là khoản tiền giữ hộ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Intimex Hà Nội sẽ được Công ty bù trừ với tiền thanh toán thuế đất trả hộ hàng năm.

5.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Doanh thu cho thuê địa điểm nhận trước	1.212.566.781	1.091.507.898
Cộng	1.212.566.781	1.091.507.898

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	9.876.271.798	9.876.271.798	-	-	9.876.271.798	9.876.271.798
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Nghệ An	-	-	7.215.043.223	7.215.043.223	-	-
Công ty Thủy sản Trung ương	578.363.793	578.363.793	-	-	578.363.793	578.363.793
Vay cá nhân (ii)	159.300.000	159.300.000	-	-	159.300.000	159.300.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	145.563.940	145.563.940	145.563.940
Cộng	10.613.935.591	10.613.935.591	7.215.043.223	7.360.607.163	10.759.499.531	10.759.499.531

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 01-2011/NH-INTIMEX ngày 30/06/2011 với hạn mức cho vay 20.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn trả nợ tối đa 6 tháng cho từng lần rút vốn. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu phù hợp với đăng ký kinh doanh. Lãi suất vay theo thông báo lãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy ủy quyền và bảo lãnh vay vốn số 319/NTTVN-KTTH-PC ngày 09/06/2011 của Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam hết hiệu lực ngày 31/03/2012.

(ii) Vay vốn cán bộ công nhân viên với mục đích huy động vốn cho dự án khu nuôi trồng thủy sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	250.000.000.000	61.418.337.314	(5.379.695.403)	306.038.641.911
Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	707.318.834	707.318.834
Số dư tại ngày 31/12/2016	550.000.000.000	61.418.337.314	(4.672.376.569)	606.745.960.745
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	629.940.989	629.940.989
Số dư tại ngày 30/06/2017	550.000.000.000	61.418.337.314	(4.042.435.580)	607.375.901.734

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**b) Chi tiết vốn của Chủ sở hữu**

	30/06/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Chi tiết các cổ đông				
Công ty TNHH Motor NA Việt Nam	291.760.070.000	53,05	291.760.070.000	53,05
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	83.755.230.000	15,23	83.740.230.000	15,23
Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng	70.000.000.000	12,73	70.000.000.000	12,73
Công ty TNHH Thung Lũng Vua	101.149.430.000	18,39	101.149.430.000	18,39
Công ty Cổ phần Bất động sản BRG	1.498.000.000	0,27	1.225.000.000	0,22
Các Cổ đông khác	1.837.270.000	0,33	2.125.270.000	0,39
Cộng	550.000.000.000	100	550.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	550.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	550.000.000.000	250.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	9.908.395.227	12.441.895.957

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đô la Mỹ (USA)	8.676,56	2.590,10
Nhân dân tệ (CNY)	100,00	100,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
	23.665.755.981	23.665.755.981

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	389.335.542.753	427.161.191.745
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	47.973.050.000	119.068.385.780
Doanh thu bán hàng nội địa	59.728.721.400	55.752.378.600
Doanh thu bán siêu thị	266.347.773.225	238.491.189.181
Doanh thu hàng sản xuất	2.899.969.310	1.262.087.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.386.028.818	12.587.150.284
Các khoản giảm trừ doanh thu	337.315.685	417.336.000
- Chiết khấu thương mại	204.895.137	248.136.000
- Giảm giá hàng bán	28.750.800	79.200.000
- Hàng bán bị trả lại	103.669.748	90.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	388.998.227.068	426.743.855.745

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng xuất khẩu	42.591.869.776	74.345.338.210
Giá vốn bán hàng nội địa	56.839.458.575	77.726.624.863
Giá vốn bán siêu thị	228.218.394.560	204.515.850.212
Giá vốn hàng sản xuất	2.497.747.090	1.262.087.900
Giá vốn cung cấp dịch vụ	114.759.914	753.411.963
Cộng	330.262.229.915	358.603.313.148

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	11.389.476.015	1.985.365.597
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.499.676	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.670.135.568	1.327.595.333
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.539.505	-
Cộng	13.128.650.764	3.312.960.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.933.600	184.070.753
Chi phí nhân công	7.335.300.426	7.583.044.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.608.309.426	1.545.637.941
Chi phí dự phòng	-	4.110.261.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.041.879.328	5.240.390.198
Thuế, phí, lệ phí	5.484.646.963	(4.083.511.338)
Chi phí khác bằng tiền	2.062.262.400	1.854.020.527
Cộng	21.631.332.143	16.433.914.496
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.912.896.372	2.010.022.548
Chi phí nhân công	23.224.741.525	21.242.361.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.889.298.625	1.456.527.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.396.082.514	12.621.456.532
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuê địa điểm	10.083.795.075	7.177.264.553
Chi phí khác bằng tiền	11.826.776.740	20.052.641.096
Cộng	54.249.795.776	57.383.009.434
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng	115.505.682	-
Cộng	75.765.622.237	73.816.923.930

6.5. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thưởng doanh số, tạo mã hàng hóa, quỹ khuyến mại và hỗ trợ khai trương, trưng bày	5.227.463.139	2.954.167.937
Các khoản thu nhập khác	1.122.618.687	1.220.543.403
Cộng	6.350.081.826	4.174.711.340

6.6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	800.000	25.576.711
Các khoản chi phí khác	1.557.101.862	904.654.358
Cộng	1.557.901.862	930.231.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.478.803.411	127.905.611.051
Chi phí nhân công	36.540.154.690	37.131.839.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.974.393.766	6.575.924.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.909.152.270	18.431.363.108
Chi phí khác bằng tiền	21.045.185.340	19.275.635.931
Cộng	175.947.689.477	209.320.374.660

6.8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Kỳ này VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh	807.605.222
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	74.115.942
Cộng: Chi phí không được trừ	135.615.618
+ Chi thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	132.000.000
+ Các khoản phạt	3.515.827
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	99.791
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	61.499.676
Tổng thu nhập chịu thuế	881.721.164
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	176.344.233
Điều chỉnh khác	1.320.000
Thuế TNDN năm 2016 phát sinh tăng thêm sau khi Công ty tự rà soát lại số liệu thuế	1.320.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	177.664.233

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	629.940.989	402.972.401
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	629.940.989	402.972.401
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	55.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	11,45	16,12
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX VIỆT NAM

Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.616.272.479	-	16.616.272.479
Phải thu khách hàng	29.510.261.439	-	29.510.261.439
Phải thu khác	49.819.460.715	-	49.819.460.715
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	22.040.737.180	23.040.737.180
Các khoản ký quỹ	406.224.387	1.441.098.900	1.847.323.287
Cộng	97.352.219.020	23.481.836.080	120.834.055.100
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.877.072.717)	-	(30.877.072.717)
Tổng cộng	66.475.146.303	23.481.836.080	89.956.982.383
Tại 30/06/2017			
Phải trả người bán	87.677.810.862	-	87.677.810.862
Phải trả khác	40.287.553.276	3.860.649.354	44.148.202.630
Chi phí phải trả	15.464.783.191	-	15.464.783.191
Các khoản vay và nợ	10.613.935.591	-	10.613.935.591
Tổng cộng	154.044.082.920	3.860.649.354	157.904.732.274
Chênh lệch thanh khoản thuần	(87.568.936.617)	19.621.186.726	(67.947.749.891)
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.154.920.600	-	18.154.920.600
Phải thu khách hàng	28.209.071.430	-	28.209.071.430
Phải thu khác	42.670.036.487	-	42.670.036.487
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	322.040.737.180	323.040.737.180
Các khoản ký quỹ	242.966.800	1.165.723.900	1.408.690.700
Cộng	90.276.995.317	323.206.461.080	413.483.456.397
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.992.578.399)	-	(30.992.578.399)
Tổng cộng	59.284.416.918	323.206.461.080	382.490.877.998
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán	183.274.222.060	-	183.274.222.060
Phải trả khác	52.970.988.295	3.713.199.354	56.684.187.649
Chi phí phải trả	7.759.758.703	-	7.759.758.703
Các khoản vay và nợ	10.759.499.531	-	10.759.499.531
Tổng cộng	254.764.468.589	3.713.199.354	258.477.667.943
Chênh lệch thanh khoản thuần	(195.480.051.671)	319.493.261.726	124.013.210.055

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.616.272.479	18.154.920.600	16.616.272.479	18.154.920.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.329.722.154	70.879.107.917	48.452.649.437	39.886.529.518
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	22.040.737.180	322.040.737.180	(*)	(*)
Các khoản ký quỹ	1.847.323.287	1.408.690.700	1.847.323.287	1.408.690.700
Cộng	120.834.055.100	413.483.456.397	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	87.677.810.862	183.274.222.060	87.677.810.862	183.274.222.060
Phải trả khác	44.148.202.630	56.684.187.649	44.148.202.630	56.684.187.649
Các khoản vay và nợ	10.613.935.591	10.759.499.531	10.613.935.591	10.759.499.531
Cộng	142.439.949.083	250.717.909.240	142.439.949.083	250.717.909.240

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.2. Báo cáo bộ phận**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh bán lẻ	Hoạt động nuôi trồng thủy sản, sản xuất khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	268.913.662.776	120.421.879.977	389.335.542.753
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	40.547.779.717	18.188.217.436	58.735.997.153
Tài sản			
Tài sản bộ phận	125.266.879.517	652.084.134.229	777.351.013.746
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	125.266.879.517	652.084.134.229	777.351.013.746
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	102.374.578.130	67.600.533.882	169.975.112.012
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	102.374.578.130	67.600.533.882	169.975.112.012

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại, sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.3. Cam kết

Ngày 19/09/2014, Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam và Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh - Hợp đồng hợp tác đầu tư để thực hiện thành lập Công ty (Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Đức Long Khánh) và phát triển dự án cho Dự án Trung tâm Thương mại và Nhà ở liền kề cao cấp Intimex - Long Khánh. Ngày 19/09/2014, Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam cũng ký hợp đồng ủy quyền cho Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng được trực tiếp quản lý, sử dụng, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng khu đất để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng khi vay vốn tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào tại Việt Nam đối với toàn bộ quyền sử dụng đất của khu đất nêu trên với các điều kiện vay do Công ty TNHH Hoàng Huy Hoàng toàn quyền quyết định, tuân theo quy định pháp luật.

7.4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.5. Thông tin về các bên có liên quan*****Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Nội dung VND</u>	<u>Số tiền VND</u>
Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần	4.529.403.755
Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng	Chuyển trả tiền hợp tác đầu tư	5.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>30/06/2017 VND</u>	<u>01/01/2017 VND</u>
Các khoản phải thu		
Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	3.000.000.000	7.529.403.755
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng	-	5.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc	579.655.000	1.104.182.000

7.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán.

7.7. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.8. Thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Mỹ Hạnh

Đình Tiên Thành